

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 314/2014/QĐ-UBND

*Bắc Giang, ngày 09 tháng 6 năm 2014*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc bổ sung, sửa đổi một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 447/2013/QĐ-UBND; bãi bỏ một số điều của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 448/2013/QĐ-UBND ngày 05/9/2013 của UBND tỉnh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính và rà soát, đánh giá thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 25/TTr-STP ngày 14/5/2014,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bổ sung, sửa đổi một số điều của Quy định kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 447/2013/QĐ-UBND ngày 05/9/2013 của UBND tỉnh, cụ thể:

1. Bổ sung khoản 2 Điều 4 về đánh giá tác động thủ tục hành chính như sau:

“2. Cách thức đánh giá tác động thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định tại Chương II Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính và rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (sau đây viết tắt là Thông tư số 07/2014/TT-BTP).”.

2. Sửa đổi khoản 3 Điều 7 về công bố, công khai thủ tục hành chính như sau:

“3. Việc công bố, công khai thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định tại các Điều 14, 15, 16, 17 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Chương I Thông tư số 05/2014/TT-BTP

ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính (sau đây viết tắt là Thông tư số 05/2014/TT-BTP).”.

3. Sửa đổi khoản 3 Điều 10 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính như sau:

“3. Nội dung, cách thức rà soát, đánh giá thực hiện theo quy định tại Điều 28, Điều 29 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Chương III Thông tư số 07/2014/TT-BTP.”.

4. Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 20 về chế độ thông tin, báo cáo như sau:

“1. Định kỳ 06 tháng và 01 năm, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính của Sở, cơ quan, đơn vị, địa phương gửi Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh. Thời gian gửi báo cáo:

a) Báo cáo sáu tháng: Trước ngày 20 tháng 5 hằng năm;

b) Báo cáo năm lần một: Trước ngày 20 tháng 11 hằng năm;

c) Báo cáo năm chính thức: Trước ngày 30 tháng 01 năm sau.

2. Nội dung báo cáo, thời điểm chốt số liệu báo cáo và các nội dung khác liên quan đến công tác báo cáo thực hiện theo quy định tại Chương II Thông tư số 05/2014/TT-BTP.”.

**Điều 2.** Bãi bỏ khoản 1 Điều 1; cụm từ “thống kê, công bố, công khai thủ tục hành chính” tại khoản 4 Điều 2; Mục 1 Chương II và các phụ lục I, II, III của Quy chế phối hợp thực hiện thống kê, công bố, công khai thủ tục hành chính và tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 448/2013/QĐ-UBND ngày 05/9/2013 của UBND tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Bùi Văn Hải**